

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L1 - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L1 - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L1, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức P1 - sinh năm 1981; có mặt;

Địa chỉ: Thôn C Đ1, xã T H1, huyện T L1, tỉnh H N1.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T1 - sinh năm 1983; vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: Thôn C Đ1, xã T H1, huyện T L1, tỉnh H N1.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ V1, xã T H1, huyện T L1, tỉnh H N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Đức P1 trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T H1, huyện T L1, tỉnh Hà Nam ngày 10/02/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà anh tại thôn C Đ1, xã T H1, huyện T L1. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng không mấy hòa thuận, thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Bản thân anh đã nhường nhịn chị T1 để vợ chồng hòa thuận, làm ăn, nuôi con, nhưng chị T1 vẫn không thay đổi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T1 đã đưa con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian này chị T1 đã bỏ đi khỏi địa phương, anh không biết chị T1 làm gì, ở đâu. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị T1.

- Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh G1 - sinh ngày 31/8/2007 và cháu Nguyễn Đức D1 - sinh ngày 20/9/2009, hiện cháu G1 đã đi theo chị T1, cháu D1 đang ở cùng với anh. Nếu ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu D1 và giao cho chị T1 nuôi cháu G1.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh xác định vợ chồng không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với việc chị Đỗ Thị T1 không có mặt tại địa phương, Anh Nguyễn Đức P1 trình bày: Vào năm 2014, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị T1 đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ mang theo cháu Nguyễn Thị Quỳnh G1. Sau đó chị T1 đưa cháu G1 bỏ đi khỏi địa phương, anh và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm, nhưng không có kết quả. Anh đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện T L1 tuyên bố một người mất tích đối với chị Đỗ Thị T1. Ngày 17/3/2017, Tòa án nhân dân huyện T L1 đã ra quyết định số 01/2017/QĐDS - ST, về việc “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Đỗ Thị T1. Từ đó đến nay chị T1 vẫn không có tin tức gì.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức P1 giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị T1 và giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Nguyễn Đức P1 đối với chị Đỗ Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức P1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Đỗ Thị T1 có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: xã T H1, huyện T L1, tỉnh H N1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L1.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức P1 và chị Đỗ Thị T1 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra va chạm xung đột. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào cuối năm 2014, chị T1 về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó bỏ đi biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Anh P1 đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 17/3/2017, Tòa án nhân dân huyện T L1 đã ra quyết định số 01/2017/QĐDS - ST, về việc “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Đỗ Thị T1 theo yêu cầu của anh Nguyễn Đức P1.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P1 và chị T1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh P1 xin ly hôn chị T1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh G1 - sinh ngày 31/8/2007, hiện đang ở cùng chị T1 và cháu Nguyễn Đức D1 - sinh ngày 20/9/2009, hiện đang ở cùng anh P1. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chị T1 bỏ đi đã mang theo cháu G1, đến nay không có tin tức gì của chị T1 và cháu G1, nên tiếp tục giao cháu G1 cho chị T1 nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Đức D1, từ khi chị T1 bỏ đi cháu D1 ở với anh P1 cho đến nay. Anh P1 có công việc và T1 nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, nên tiếp tục giao cháu D1 cho anh Nguyễn Đức P1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh P1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Nguyễn Đức P1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức P1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 đã nêu là có căn cứ, phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức P1 và chị Đỗ Thị T1.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh G1, sinh ngày 31/8/2007 cho chị Đỗ Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đức D1, sinh ngày 20/9/2009 cho anh Nguyễn Đức P1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức P1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04239 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T L1.
4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện T L1;
- Chi cục THADS huyện T L1;
- UBND xã T H1;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy